

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2021
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

Kính gửi: - **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG;**
- **HDQT - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.**

Công ty cổ phần thủy điện Sông Vàng báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2022 cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021:

1. Tình hình SXKD năm 2021 của Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng:

- Sản lượng điện: 45,449 triệu KWh đạt 87,00%, doanh thu: 51,652 tỷ đồng đạt 90,00% kế hoạch năm 2021. (Chi tiết như phụ lục 01 đính kèm).

- Nộp ngân sách: 13,757 tỷ đồng (trong đó thuế GTGT: 5,855 tỷ đồng; thuế tài nguyên: 4,237 tỷ đồng, thuế TNDN : 0,556 tỷ đồng, thuế MTR: 1,636 tỷ đồng, Tiền cấp quyền khai thác TNN năm 2021 : 1,026 tỷ đồng, Tiền thuê đất : 0,447 tỷ đồng).

*** Đánh giá kết quả SXKD năm 2021 so với Nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua như sau:**

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)
1. Sản lượng (kWh)	52.479.293	45.449.108	87,00
2. Doanh thu bán điện	57.156.657.660	51.652.049.867	90,00
3. Giá vốn hàng bán	26.750.610.639	16.274.608.514	60,83
<i>Trong đó: Khấu hao TSCĐ</i>	<i>22.123.303.382</i>	<i>11.350.529.276</i>	<i>51,31</i>
4. Lợi nhuận gộp	25.205.860.506	35.377.441.353	140,35
5. Doanh thu hoạt động TC	13.615.493	80.462.341	590,96
6. Chi phí tài chính	8.905.430.206	6.568.905.708	73,76
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	<i>8.905.430.206</i>	<i>6.568.905.708</i>	<i>73,76</i>
7. Thu nhập khác		45.665.296	
8. Chi phí khác	61.022.485	121.699.048	199,43
9. Chi phí quản lý DN	1.791.666.086	1.976.814.557	110,33

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)
10. Lợi nhuận trước thuế	19.672.566.222	26.836.149.677	136,41
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp	983.628.311	939.265.239	95,49
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN	18.688.937.911	25.896.884.438	138,57

(Chi tiết xem Phụ lục 01 đính kèm).

2.Công tác Tài chính – Kế toán:

a. Tình hình trả nợ vay ngân hàng:

TT	Tên ngân hàng	ĐVT	Hạn mức được cấp	Dư nợ vay ngày 01/01/2021	Đã trả nợ gốc, lãi năm 2021	Dư nợ vay đến 31/12/2021	
						Nợ gốc	Nợ quá hạn (Lãi giãn)
1	Agribank – CN Đà Nẵng	Tỷ đồng	43,353	55,515	55,515		
2	DATC – CN Đà Nẵng	Tỷ đồng	210,024	11,366	11,366		
3	Công ty CPĐTPT điện lực An Nhân	Tỷ đồng		109.462		86,758	
4	Vay CN Trần Thu Hương	Tỷ đồng		18.527		22,346	
Tổng cộng		Tỷ đồng	253,377	194,870	66,881	109,104	

b. Công tác thu xếp vốn của Dự án:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện		
			BC quyết toán	Kiểm toán	Chênh lệch
1	Vốn vay	Tỷ đồng	253,377	253,377	
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	148,207	148,207	
3	Vốn từ VAT đã được hoàn	Tỷ đồng	26,477	26,477	
4	Vốn từ lãi tiền gửi của vốn CSH	Tỷ đồng	1,308	1,308	
Tổng cộng (1+2+3+4)		Tỷ đồng	429,369	429,369	0

c. Tình hình vốn thanh toán cho các Nhà thầu:

Sau khi quyết toán với các Nhà thầu thì số nợ mà Công ty phải thanh toán là: 25.119.154.052 đồng. Đây là khoản nợ chủ yếu phải trả cho các Nhà thầu thi công xây dựng.

2. Công tác quản lý Công ty:

a. Về lao động.

* Khối văn phòng Công ty có 03 CBCNV (gồm 01 giám đốc, 01 kế toán và 01 lái xe kiêm nhân viên Hành chính – Tổ chức).

* Nhà máy được bố trí 22 người. (gồm 01 Giám đốc nhà máy do phó giám đốc Công ty kiêm nhiệm; Bộ phận sửa chữa: 04 người; Bộ phận trực tại Đập: 04 người; Bộ phận trực vận hành nhà máy: 12 người; cấp dưỡng: 01 người).

b. Về thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và cơ quan bảo hiểm:

Tổng số lao động được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp đến ngày 31/12/2021 là: 25 người /25 người.

Tổng số tiền nợ ngân sách và bảo hiểm đến 31/12/2021:

- Nợ ngân sách NN: 2,665 tỷ đồng
- Nợ Bảo hiểm xã hội: 0,226 triệu đồng.
- Nợ bảo hiểm y tế: 0 triệu đồng.
- Nợ BHTN: 0 triệu đồng.

II. Kế hoạch thực hiện SXKD năm 2022:

Trên cơ sở thực hiện các năm trước, Công ty dự kiến kế hoạch năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện SXKD năm 2021	Kế hoạch SXKD năm 2022	Tỷ lệ (%)
1. Sản lượng phát lên lưới	kWh	45.449.108	52.203.822	114,86
2. Doanh thu bán điện	đồng	51.652.049.867	56.991.584.423	110,34
3. Giá vốn hàng bán	đồng	16.274.608.514	16.482.166.718	101,28
<i>Trong đó : Khấu hao TSCĐ</i>	đồng	<i>11.350.529.276</i>	<i>11.350.529.276</i>	100,00
4. Lợi nhuận gộp	đồng	35.377.441.353	40.509.417.705	114,51
5. Doanh thu hoạt động TC	đồng	80.462.341		
6. Chi phí tài chính	đồng	6.568.905.708	9.279.753.168	141,27
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	đồng	<i>6.568.905.708</i>	<i>9.279.753.168</i>	141,27
7. Thu nhập khác	đồng	45.665.296		
8. Chi phí khác	đồng	121.699.048		
8. Chi phí quản lý DN	đồng	1.976.814.557	1.976.814.557	100,00
9. Lợi nhuận trước thuế	đồng	26.836.149.677	29.252.849.980	109,01
10. Thuế TNDN	đồng	939.265.239	1.462.642.499	155,72

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện SXKD năm 2021	Kế hoạch SXKD năm 2022	Tỷ lệ (%)
11. Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	25.896.884.438	27.790.207.481	107,31

(Chi tiết xem Phụ lục 02 đính kèm).

- Trong năm 2022, Công ty sẽ tập trung toàn bộ nguồn nước để ưu tiên phát điện, đặc biệt phát điện tối đa công suất vào giờ cao điểm, sắp xếp thời gian hợp lý để thực hiện bảo dưỡng sửa chữa các tổ máy trên nguyên tắc ưu tiên chạy máy phát điện khi có nước về hồ;

Trên đây là báo cáo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng về Tình hình thực hiện SXKD năm 2021 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2022 của Nhà máy Thủy điện An Điền II, tỉnh Quảng Nam.

Trân trọng báo cáo!

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

* **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

